

CTCP ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH NHÀ  
KHANG ĐIỂN (KDH)

## BÁO CÁO CẬP NHẬT ĐHCĐ

Phạm Hồng Trường

Email: [truong.phamhong@abs.vn](mailto:truong.phamhong@abs.vn)

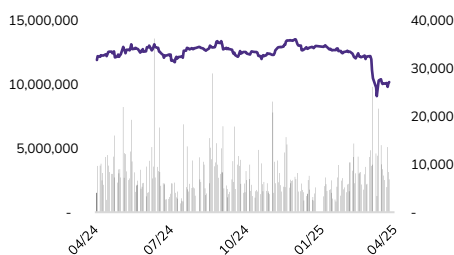
## Duy trì khả năng tăng trưởng vững chắc

Điểm chính của ĐHCĐ ngày 24/04/2025

## THÔNG TIN CƠ BẢN

|                       |                 |
|-----------------------|-----------------|
| Ngành                 | : Bất động sản  |
| Ngày báo cáo          | : 28/04/2025    |
| Giá hiện tại (VND/CP) | : 26.700        |
| Vốn hóa (Tỷ VND)      | : 26.997        |
| SLCPLH (CP)           | : 1.011.142.565 |

## DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: ABS Research

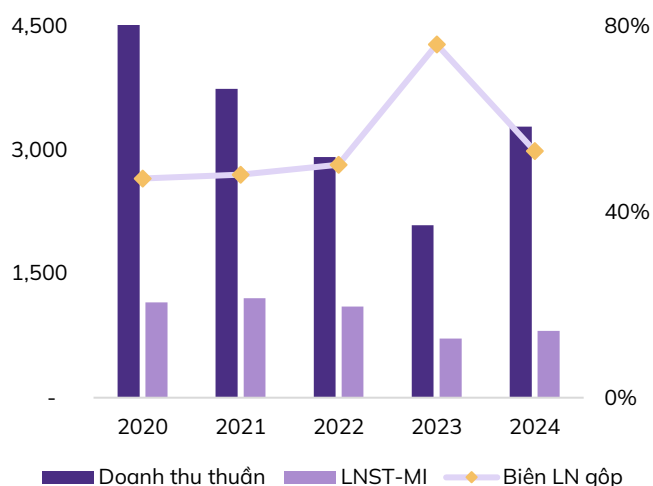
## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

| Chỉ tiêu             | 2023   | 2024   |
|----------------------|--------|--------|
| Tăng trưởng DTT (%)  | -28,3% | 57,0%  |
| Tăng trưởng LNST (%) | -35,1% | 13,2%  |
| Biên LNG (%)         | 76,0%  | 53,1%  |
| Biên LNST (%)        | 34,3%  | 24,7%  |
| ROA (%)              | 3,0%   | 2,8%   |
| ROE (%)              | 5,7%   | 5,3%   |
| Nợ vay/VCSH (lần)    | 0,41   | 0,36   |
| EPS (VND/CP)         | 895    | 801    |
| BVPS (VND/CP)        | 16.828 | 17.203 |

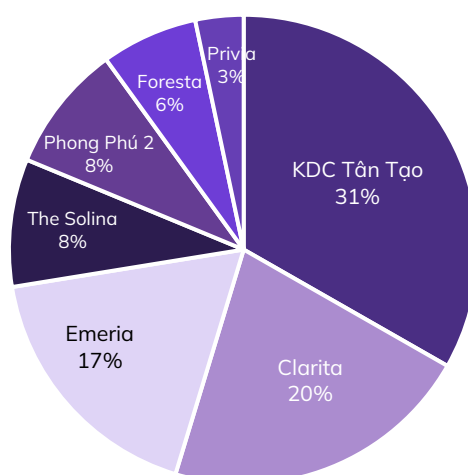
Nguồn: KDH, ABS Research

- Kết quả kinh doanh năm 2024:** doanh thu thuần của KDH đạt gần 3,3 nghìn tỷ đồng (+57% svck) và LNST đạt 810 tỷ đồng (+13% svck), lần lượt hoàn thành 84% và 103% kế hoạch cả năm. KQKD trong năm 2024 có sự đóng góp phần lớn từ việc bàn giao căn hộ thuộc dự án The Privia (Bình Tân, TP.HCM). Dự án này được ra mắt cuối năm 2023 và bán hết toàn bộ trong Q1/2024. Trong năm 2024, Khang Điền đã hoàn tất xây dựng dự án và bàn giao cho khách hàng từ tháng 10/2024, dự kiến hoàn tất bàn giao trong Q3/2025. Ngoài ra, trong năm 2024, KDH cũng triển khai xây dựng 2 dự án quy mô 6 ha và 5,8 ha hợp tác với Keppel tại TP. Thủ Đức (TP. HCM) đồng thời hoàn thiện thủ tục pháp lý để có thể mở bán trong năm 2025.
- Về kế hoạch kinh doanh năm 2025:** KDH đặt mục tiêu doanh thu 3,8 nghìn tỷ đồng (+16% svck) và LNST 1 nghìn tỷ đồng (+23% svck). Trong giai đoạn 2022 – 2024, KDH đã hoàn thành 79%/72%/103% kế hoạch đề ra cả năm. Các mục tiêu kinh doanh cụ thể của KDH trong năm 2025 bao gồm:
  - **Hoàn tất bàn giao Dự án chung cư The Privia** (quy mô 1.040 căn cao tầng; đã bán 100% và bàn giao khoảng 60% tính đến cuối năm 2024). The Privia sẽ đóng góp quan trọng vào kết quả kinh doanh năm 2025 của doanh nghiệp bên cạnh dự án liên doanh với Keppel.
  - **Hoàn tất xây dựng và mở bán dự án hợp tác với Keppel** bao gồm 2 dự án có quy mô 6 ha và 5,8 ha (KDH sở hữu 51%) tại TP. Thủ Đức (TP. HCM). Dự án bao gồm 2 phân khu: thấp tầng và cao tầng với tổng cộng khoảng 800 căn hộ (200 căn thấp tầng và 600 căn cao tầng). Phân khu thấp tầng đang hoàn tất xây dựng để mở bán trong Q3/2025 và bàn giao ghi nhận doanh thu ngay trong năm nay. Phân khu cao tầng dự kiến sẽ mở bán vào năm 2026.
  - **Triển khai xây dựng Dự án KCN Lê Minh Xuân mở rộng** với quy mô gần 110 ha (Bình Chánh, TP.HCM), trong đó 89 ha đã có quyết định thuê đất, dự án cũng đã có giấy phép xây dựng hạ tầng. Dự kiến dự án sẽ thực hiện xây dựng hạ tầng trong giai đoạn 2025 – 2026, đưa vào kinh doanh từ năm 2027.
  - **Dự án The Solina** (Bình Chánh, TP.HCM) mới đây cũng đã được cấp phép xây dựng hạ tầng với quy mô 16,4 ha (gồm 2.000 căn hộ và 218 biệt thự - liền kề), sẽ được xây dựng và có thể ra mắt trong năm nay.
  - **Đẩy mạnh phát triển, hoàn thiện thủ tục pháp lý của các dự án khác** như KDC Tân Tạo (Bình Tân, TP.HCM, đã được phê duyệt 1/500, đang GPMB), dự án Bình Trưng Đông (TP Thủ Đức, TP.HCM), Phong Phú 2 (Bình Chánh, TP.HCM), ... để đưa vào kinh doanh trong các năm tới.

KQKD của KDH giai đoạn 2020 – 2024 (tỷ VND)



Cơ cấu giá trị HTK theo dự án BĐS cuối năm 2024



Nguồn: KDH, ABS Research

- Kế hoạch phân phối lợi nhuận:** cổ đông đã thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%. Năm 2025, kế hoạch chia cổ tức ở mức 10% mệnh giá, bằng tiền mặt và/hoặc cổ phiếu. Ngoài ra, kế hoạch phát hành 9,96 triệu cổ phiếu ESOP cho cán bộ - công nhân viên (tương đương 0,985% tổng số cổ phiếu đang lưu hành) cũng đã được thông qua. Giá phát hành đề xuất là 14.000 đồng/cổ phiếu, thời gian hạn chế chuyển nhượng là 1 năm. Trung bình trong giai đoạn 2019–2024, tỷ lệ phát hành ESOP của KDH là khoảng 1,5% tổng số cổ phiếu lưu hành vào đầu mỗi năm.
- Việc mở rộng quỹ đất tại TP.HCM sau sáp nhập.** Ban lãnh đạo đánh giá sau khi TP.HCM sáp nhập 2 địa phương là Bình Dương và Bà Rịa – Vũng Tàu sẽ đưa TP.HCM trở thành trung tâm tài chính kinh tế lớn nhất cả nước, thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước. Theo đó, nền kinh tế nói chung và thị trường bất động sản nói riêng sẽ phát triển. Hiện KDH chủ yếu làm dự án ở TP.HCM với các khu vực Bình Tân, Bình Chánh, Thủ Đức. Nếu có cơ hội với những dự án có vị trí tốt và pháp lý rõ ràng, doanh nghiệp sẽ cân nhắc thực hiện.
- Về việc phát hành trái phiếu.** Trong năm 2024, KDH đã phát hành riêng lẻ hơn 3 nghìn tỷ trái phiếu để trả nợ vay ngân hàng (2,9 nghìn tỷ) và bổ sung vốn lưu động. Công ty đã chuẩn bị sẵn nguồn tiền để thanh toán trái phiếu đến hạn trong năm nay (2 lô trái phiếu lần lượt đáo hạn vào tháng 6 và tháng 8 với tổng giá trị gốc 1.100 tỷ đồng). Hiện tại, KDH chưa có kế hoạch phát hành trái phiếu trong năm 2025.

### KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025 CỦA KDH

| Chỉ tiêu (tỷ đồng)                        | Năm 2024 | Năm 2025 (KH) | %YoY |
|-------------------------------------------|----------|---------------|------|
| Doanh thu                                 | 3.279    | 3.800         | 16%  |
| Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông công ty mẹ | 810      | 1.000         | 23%  |

Nguồn: KDH, ABS Research

## Đánh giá của ABS Research

- Chúng tôi đánh giá triển vọng năm 2025 của KDH sẽ tiếp tục tích cực, dựa trên các yếu tố:
  - Duy trì KQKD tích cực với sự đóng góp của dự án The Privia và dự án liên doanh với Keppel – bắt đầu mở bán từ năm 2025. Đồng thời, doanh nghiệp cũng đang tích cực triển khai một loạt dự án mới với tình trạng pháp lý tốt, dự kiến sẽ mang lại dòng tiền khả quan và giúp cải thiện KQKD của KDH.
  - Thị trường BĐS tiếp tục đà phục hồi, đặc biệt tại thị trường phía Nam, giá chung cư ghi nhận sự bật tăng trong thời gian vừa qua, nối tiếp với đà tăng giá tốt tại thị trường phía Bắc. KDH với các dự án tập trung chủ yếu ở TP.HCM sẽ được hưởng lợi từ mức giá bán tốt, giúp cải thiện KQKD của doanh nghiệp.
  - Ngoài ra, trong bối cảnh 3 bộ luật quan trọng của ngành BĐS có hiệu lực từ giữa năm 2024, việc áp dụng bảng giá đất theo nguyên tắc thị trường sẽ khiến chi phí GPMB và tiền sử dụng đất gia tăng. KDH với vị thế là chủ đầu tư phát triển BĐS có uy tín và quỹ đất sạch lớn tại khu vực TP.HCM và tình hình tài chính lành mạnh sẽ mang lại lợi thế trong chu kỳ mới của thị trường BĐS.
- Theo kế hoạch kinh doanh 2025 của KDH, doanh thu năm 2025 là 3.800 tỷ đồng, LNST là 1.000 tỷ đồng. Theo đó, chúng tôi ước tính EPS của công ty trong năm 2025F là 989 đồng/cổ phiếu, P/E 2025F ở mức 27,1x lần, P/B 2025F ở mức 1,4x lần. Mức định giá P/E và P/B 2025F hiện tại của KDH cũng đang ở mức hấp dẫn, thấp hơn trung bình 5 năm gần đây (P/E khoảng 27,7 lần; P/B khoảng 2,2 lần).
- Chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận trong giai đoạn tiếp theo của KDH tiếp tục tăng trưởng ổn định, đặc biệt từ giai đoạn sau năm 2026 sẽ có sự tăng trưởng mạnh khi quỹ dự án lớn – liên tục tăng trong các năm gần đây sẽ là nền tảng giúp tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, giúp cải thiện ROE của doanh nghiệp. Chúng tôi đang xem xét lại dự phóng và định giá của KDH và sẽ cập nhật trong các báo cáo tiếp theo.

PHỤ LỤC: KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CỦA KDH

| Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)      | 2021         | 2022         | 2023         | 2024         |
|--------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>         | <b>3.738</b> | <b>2.912</b> | <b>2.088</b> | <b>3.279</b> |
| Giá vốn hàng bán               | (1.945)      | (1.452)      | (501)        | (1.539)      |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>           | <b>1.794</b> | <b>1.460</b> | <b>1.587</b> | <b>1.740</b> |
| Doanh thu tài chính            | 21           | 18           | 50           | 38           |
| Chi phí tài chính              | (73)         | (91)         | (148)        | (216)        |
| Chi phí bán hàng               | (205)        | (175)        | (162)        | (223)        |
| Chi phí QLDN                   | (182)        | (219)        | (205)        | (209)        |
| <b>Lợi nhuận từ HĐKD</b>       | <b>1.355</b> | <b>992</b>   | <b>1.122</b> | <b>1.130</b> |
| Lãi/lỗ khác                    | 185          | 418.8        | (52.7)       | (78.8)       |
| Lợi nhuận trước thuế           | 1.540        | 1.411        | 1.069        | 1.051        |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>      | <b>1.205</b> | <b>1.082</b> | <b>730</b>   | <b>804</b>   |
| <b>LNST cổ đông Công ty mẹ</b> | <b>1.202</b> | <b>1.103</b> | <b>716</b>   | <b>810</b>   |

| Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)                     | 2021         | 2022         | 2023         | 2024         |
|--------------------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| LCT thuần từ HĐKD                          | (2.010)      | (1.047)      | (1.543)      | (3.648)      |
| LCT thuần từ Hoạt động đầu tư              | (106)        | (797)        | 2.813        | (918)        |
| LCT thuần từ Hoạt động tài chính           | 1.646        | 3.231        | (293)        | 3.932        |
| <b>LCT thuần trong kỳ</b>                  | <b>(470)</b> | <b>1.387</b> | <b>977</b>   | <b>(634)</b> |
| Tiền & tương đương tiền đầu kỳ             | 1.836        | 1.365        | 2.753        | 3.730        |
| <b>Tiền &amp; tương đương tiền cuối kỳ</b> | <b>1.365</b> | <b>2.753</b> | <b>3.730</b> | <b>3.096</b> |

| Chỉ số tài chính                    | 2021  | 2022  | 2023   | 2024  |
|-------------------------------------|-------|-------|--------|-------|
| <b>Khả năng thanh toán</b>          |       |       |        |       |
| Khả năng thanh toán hiện hành       | 5,95  | 5,85  | 4,63   | 6,90  |
| Khả năng thanh toán nhanh           | 2,47  | 2,27  | 1,04   | 1,46  |
| Khả năng thanh toán tiền mặt        | 0,61  | 0,79  | 0,70   | 0,74  |
| Khả năng thanh toán lãi vay         | 88,34 | 113,9 | 0      | 0     |
| <b>Cơ cấu vốn</b>                   |       |       |        |       |
| Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản         | 0,71  | 0,55  | 0,59   | 0,63  |
| Nợ phải trả/Tổng tài sản            | 0,29  | 0,45  | 0,41   | 0,37  |
| Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)         | 0,25  | 0,57  | 0,41   | 0,36  |
| <b>Chỉ số hiệu suất hoạt động</b>   |       |       |        |       |
| Số ngày phải thu                    | 76,1  | 75,3  | 52,6   | 20,0  |
| Số ngày phải trả                    | 37,2  | 33,1  | 73,2   | 45,1  |
| Số ngày tồn kho                     | 1.414 | 2.536 | 11.377 | 4.858 |
| <b>Khả năng sinh lời</b>            |       |       |        |       |
| Tỷ suất lợi nhuận gộp               | 48,0% | 50,1% | 76,0%  | 53,1% |
| Tỷ suất lợi nhuận HĐKD              | 36,3% | 34,1% | 53,7%  | 34,5% |
| Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ | 32,2% | 37,9% | 34,3%  | 24,7% |
| ROE                                 | 13,1% | 10,1% | 5,7%   | 5,3%  |
| ROA                                 | 8,5%  | 6,1%  | 3,0%   | 2,8%  |
| ROIC                                | 11,2% | 6,0%  | 4,9%   | 4,8%  |

| Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)       | 2021          | 2022          | 2023          | 2024          |
|--------------------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| + Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.365         | 2.753         | 3.730         | 3.096         |
| + Đầu tư ngắn hạn                    | 69            | 43            | 9             | 277           |
| + Các khoản phải thu ngắn hạn        | 4.206         | 5.208         | 1.831         | 3.018         |
| + Hàng tồn kho                       | 7.732.8       | 12.453.3      | 18.786.9      | 22.178.0      |
| + Tài sản ngắn hạn khác              | 48            | 49            | 381           | 275           |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b>              | <b>13.421</b> | <b>20.506</b> | <b>24.737</b> | <b>28.844</b> |
| + Các khoản phải thu dài hạn         | 79            | 73            | 76            | 69            |
| + Tài sản cố định                    | 40            | 81            | 81            | 73            |
| + Bất động sản đầu tư                | 58            | 102           | 131           | 233           |
| + Tài sản dở dang dài hạn            | 751           | 750           | 933           | 1.028         |
| + Đầu tư dài hạn                     | 14            | 14            | 12            | 0             |
| + Tài sản dài hạn khác               | 9             | 13            | 511           | 511           |
| <b>Tài sản dài hạn</b>               | <b>952</b>    | <b>1.033</b>  | <b>1.744</b>  | <b>1.914</b>  |

|                                     |               |               |               |               |
|-------------------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| <b>Tổng Tài sản</b>                 | <b>14.373</b> | <b>21.539</b> | <b>26.481</b> | <b>30.758</b> |
| + Vay ngắn hạn                      | 815           | 1.195         | 1.444         | 1.100         |
| + Phải trả người bán                | 155           | 109           | 92            | 288           |
| + Nợ ngắn hạn khác                  | 1.285         | 2.199         | 3.809         | 2.794         |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                  | <b>2.254</b>  | <b>3.503</b>  | <b>5.346</b>  | <b>4.182</b>  |
| + Vay dài hạn                       | 1.738         | 5.576         | 4.901         | 5.998         |
| + Các khoản phải trả dài hạn khác   | 160           | 666           | 711           | 1.124         |
| <b>Nợ dài hạn</b>                   | <b>1.898</b>  | <b>6.242</b>  | <b>5.612</b>  | <b>7.122</b>  |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>             | <b>4.151</b>  | <b>9.745</b>  | <b>10.958</b> | <b>11.304</b> |
| + Vốn cổ phần                       | 6.429         | 7.168         | 7.993         | 10.111        |
| + Thặng dư vốn cổ phần              | 1.177         | 1.312         | 1.339         | 3.314         |
| + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 2.342         | 2.780         | 3.766         | 3.618         |
| + Quỹ khác                          | 0             | 0             | 0             | 0             |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>               | <b>10.221</b> | <b>11.795</b> | <b>15.523</b> | <b>19.453</b> |
| <b>Tổng cộng nguồn vốn</b>          | <b>14.373</b> | <b>21.539</b> | <b>26.481</b> | <b>30.758</b> |

| Tỷ lệ tăng trưởng (%)               | 2021   | 2022   | 2023   | 2024   |
|-------------------------------------|--------|--------|--------|--------|
| Tăng trưởng doanh thu               | -17,5% | -22,1% | -28,3% | 57,0%  |
| Tăng trưởng LNTT                    | 5,6%   | -8,4%  | -24,2% | -1,7%  |
| Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ | -16,1% | -18,6% | 8,7%   | 9,6%   |
| Tăng trưởng EPS                     | -10,8% | -13,4% | -41,8% | -10,5% |
| Tăng trưởng VCSH                    | 25,3%  | 15,4%  | 31,6%  | 25,3%  |
| Tăng trưởng Tổng tài sản            | 2,5%   | 49,9%  | 22,9%  | 16,2%  |

| Định giá (lần) | 2021   | 2022   | 2023   | 2024   |
|----------------|--------|--------|--------|--------|
| P/E            | 14,75  | 20,24  | 38,59  | 33,50  |
| P/B            | 1,65   | 1,93   | 2,05   | 1,56   |
| EV/EBITDA      | 12,75  | 32,81  | 26,58  | 25,14  |
| EV/Sales       | 4,83   | 9,13   | 15,47  | 10,13  |
| EPS (đồng/cp)  | 1.777  | 1.539  | 895    | 801    |
| BVPS (đồng/cp) | 15.842 | 16.123 | 16.828 | 17.203 |

Nguồn: KDH, ABS Research

# Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

## Khuyến nghị cổ phiếu

|              |                                                                 |
|--------------|-----------------------------------------------------------------|
| MUA          | Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên                   |
| KHẢ QUAN     | Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%   |
| TRUNG LẬP    | Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%   |
| KÉM KHẢ QUAN | Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5% |
| BÁN          | Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%                    |

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

# Thông tin liên hệ

**Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình**

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: [www.abs.vn](http://www.abs.vn)

## Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: [abs-research@abs.vn](mailto:abs-research@abs.vn)

**Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc**

Email: [linh.ngthithuy@abs.vn](mailto:linh.ngthithuy@abs.vn)

**Dầu khí, Điện, Hóa chất**

**Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc**

Email: [hue.lethikim@abs.vn](mailto:hue.lethikim@abs.vn)

**PTKT và Chiến lược thị trường**

**Đặng Xuân Lưu – Giám đốc**

Email: [luu.dangxuan@abs.vn](mailto:luu.dangxuan@abs.vn)

**Vĩ mô, Tài chính**

**Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên**

Email: [hai.nguyenxuan@abs.vn](mailto:hai.nguyenxuan@abs.vn)

**Bất động sản, Xây dựng, VLXD**

**Phạm Hồng Trường – Chuyên viên**

Email: [truong.phamhong@abs.vn](mailto:truong.phamhong@abs.vn)

**Hàng và Dịch vụ công nghiệp**

**Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên**

Email: [duyen.nguyenthiky@abs.vn](mailto:duyen.nguyenthiky@abs.vn)

**Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông**

**Bùi Minh Anh - Chuyên viên**

Email: [anh.buiminh@abs.vn](mailto:anh.buiminh@abs.vn)

**Bán lẻ, Hàng tiêu dùng**

**Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên**

Email: [thu.kieuthithanh@abs.vn](mailto:thu.kieuthithanh@abs.vn)



*Tư hào*  
**NHẬN CÚ ĐÚP  
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP  
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI  
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH  
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT  
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay  
ABS Invest tại đây